

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TECHELEC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TECHELEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHELEC ELECTRIC EQUIPMENT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TECHELEC CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110900324

**3. Ngày thành lập:** 27/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 37a20 Ngõ 20 Đường Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969326661

Fax:

Email: [electric@techelec.com.vn](mailto:electric@techelec.com.vn)

Website: [techelec.com.vn](http://techelec.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                 | 4102     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                           | 4211     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                            | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                     | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                      | 4223     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                       | 4229     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                              | 4299     |
| 9.  | Phá dỡ<br>(Loại trừ nổ mìn)                                                                                                             | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt<br>bằng xây dựng)                                       | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                   | 4321     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                          | 4329     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                          | 4330     |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | 4610     |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                     | 4651     |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                           | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                        | 4659(Chính) |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác<br>(Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662        |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul> | 4759 |
| 24. | <p>Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul> <p>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4774 |
| 25. | <p>Bốc xếp hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt</li> <li>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ</li> <li>- Bốc xếp hàng hóa cảng biển</li> <li>- Bốc xếp hàng hóa cảng sông</li> <li>- Bốc xếp hàng hóa loại khác</li> </ul> <p>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 26. | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh bất động sản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6810 |
| 27. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản</li> </ul> <p>(Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6820 |

|     |                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê ô tô<br>- Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                      | 7710 |
| 29. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                   | 7820 |
| 30. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                          | 7830 |
| 31. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                   | 2610 |
| 32. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                               | 2630 |
| 33. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                           | 2640 |
| 34. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mô tơ, máy phát<br>- Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 35. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                       | 2720 |
| 36. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                       | 2732 |
| 37. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                      | 2733 |
| 38. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                            | 2740 |
| 39. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                    | 2750 |
| 40. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                  | 2790 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                       | 3314 |
| 42. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                       | 3319 |
| 43. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                      | 3320 |
| 44. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                            | 4101 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

